

Số: 492/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang
mục đích khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng
Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 30**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 812/BC-DT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa) cụ thể như sau:

1. Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 20,30 ha.

2. Địa điểm, vị trí: gồm 138 lô, 15 khoảnh, 07 tiểu khu, thuộc địa phận các huyện Yên Châu, Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

- Xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên diện tích 1,43 ha gồm 01 tiểu khu, 03

khoảnh và 06 lô.

- Xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên diện tích 6,19 ha gồm 02 tiểu khu, 04 khoảnh và 44 lô.

- Xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu diện tích 2,58 ha gồm 01 tiểu khu, 04 khoảnh và 25 lô.

- Xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu diện tích 4,68 ha gồm 01 tiểu khu, 04 khoảnh và 33 lô.

- Xã Viêng Lán (nay đã sáp nhập vào xã Chiềng Păn, xã Sấp Vạt và Thị trấn Yên Châu theo Nghị quyết số 1280/NQ-UBTVQH15 ngày 14/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025), huyện Yên Châu diện tích 4,39 ha gồm 01 tiểu khu, 04 khoảnh và 26 lô.

- Xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu diện tích 1,03 ha gồm 01 tiểu khu, 02 khoảnh và 04 lô.

3. Mục đích sử dụng: Tổng diện tích rừng chiếm dụng thực hiện dự án là 20,30 ha trong đó: Đất rừng phòng hộ 2,32 ha; đất rừng sản xuất 16,0 ha; rừng ngoài đất Lâm nghiệp 1,98 ha.

4. Nguồn gốc hình thành rừng: Rừng tự nhiên 17,31 ha; Rừng trồng 2,99 ha.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 30 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VP: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



BIỂU TỔNG HỢP
THÔNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH
KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG TỈNH 120C (YÊN CHÂU - TẠ KHOA)

(Kèm theo Nghị quyết số 492/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

Stt	Huyện	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Trạng thái	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc rừng	Ghi chú
Tổng			7	15	138		20,30			
I	Bắc Yên		3	7	50		7,62			
1		Hua Nhân	426	1	7b	TG	0,08	Ngoài QH	Rừng trồng	
2		Hua Nhân	426	2	17b	HGD	0,08	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
3		Hua Nhân	426	2	19a	HGD	0,32	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
4		Hua Nhân	426	2	19c	TXDB	0,22	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
5		Hua Nhân	426	2	19d	HGD	0,39	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
6		Hua Nhân	426	4	1	HG	0,34	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
7		Tạ Khoa	420	2	1c	TTN	0,21	Ngoài QH	Rừng trồng	
8		Tạ Khoa	420	2	2a	TTN	0,01	Ngoài QH	Rừng trồng	
9		Tạ Khoa	420	2	2dac	TG	0,19	Ngoài QH	Rừng trồng	
10		Tạ Khoa	420	2	2dbb	TG	0,10	Ngoài QH	Rừng trồng	
11		Tạ Khoa	420	2	5b	TTN	0,10	Ngoài QH	Rừng trồng	
12		Tạ Khoa	420	2	5c	TTN	0,11	Ngoài QH	Rừng trồng	
13		Tạ Khoa	420	2	6cb	TG	0,07	Ngoài QH	Rừng trồng	
14		Tạ Khoa	420	3	10b	HG	0,26	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
15		Tạ Khoa	420	3	11acb	TN	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
16		Tạ Khoa	420	3	11ag	TN	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
17		Tạ Khoa	420	3	11ah	TN	0,06	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
18		Tạ Khoa	420	3	11ajb	TN	0,44	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	

19		Tạ Khoa	420	3	11an	TN	0,13	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
20		Tạ Khoa	420	3	11ap	TN	0,06	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
21		Tạ Khoa	420	3	11aqb	TG	0,03	Rừng sản xuất	Rừng trồng	
22		Tạ Khoa	420	3	11ar	TN	0,16	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
23		Tạ Khoa	420	3	11as	TN	0,44	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
24		Tạ Khoa	420	3	11bd	TN	0,16	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
25		Tạ Khoa	420	3	11be	TN	0,29	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
26		Tạ Khoa	420	3	11bfb	TN	0,30	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
27		Tạ Khoa	420	3	11bg	TN	0,13	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
28		Tạ Khoa	420	3	11bh	TN	0,72	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
29		Tạ Khoa	420	3	11daa	TG	0,08	Rừng sản xuất	Rừng trồng	
30		Tạ Khoa	420	3	11dab	TG	0,31	Rừng sản xuất	Rừng trồng	
31		Tạ Khoa	420	3	11dda	TN	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
32		Tạ Khoa	420	3	11ddb	TN	0,21	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
33		Tạ Khoa	420	3	12ab	TTN	0,19	Ngoài QH	Rừng trồng	
34		Tạ Khoa	420	3	15i	TN	0,03	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
35		Tạ Khoa	420	3	1b	TXP	0,10	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
36		Tạ Khoa	420	3	2a	TXK	0,04	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
37		Tạ Khoa	420	3	2e	TN	0,26	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
38		Tạ Khoa	420	3	6dbb	TG	0,20	Ngoài QH	Rừng trồng	
39		Tạ Khoa	427	3	14	HG	0,01	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
40		Tạ Khoa	427	3	19f	TTN	0,16	Ngoài QH	Rừng trồng	
41		Tạ Khoa	427	3	19gc	TG	0,01	Ngoài QH	Rừng trồng	
42		Tạ Khoa	427	3	19hb	HG	0,08	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
43		Tạ Khoa	427	3	25bb	HG	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
44		Tạ Khoa	427	3	5aa	TG	0,03	Rừng sản xuất	Rừng trồng	
45		Tạ Khoa	427	3	5ab	TG	0,03	Rừng sản xuất	Rừng trồng	
46		Tạ Khoa	427	3	5bb	HG	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	

47		Tạ Khoa	427	3	5bc	HG	0,28	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
48		Tạ Khoa	427	5	1b	HG	0,01	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
49		Tạ Khoa	427	5	5db	HG	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
50		Tạ Khoa	427	5	5e	HG	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
II	Yên Châu		4	14	88		12,68			
1		Chiềng Đông	864A	1	50	TXN	0,11	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
2		Chiềng Đông	864A	1	53	HGD	0,54	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
3		Chiềng Đông	864A	1	58	HGD	0,01	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
4		Chiềng Đông	864A	1	64	HGD	0,01	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
5		Chiềng Đông	864A	1	69	TXDK	0,31	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
6		Chiềng Đông	864A	1	48a	HG	0,06	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
7		Chiềng Đông	864A	1	48b	HGD	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
8		Chiềng Đông	864A	1	48eb	HG	0,06	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
9		Chiềng Đông	864A	1	49c	HG	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
10		Chiềng Đông	864A	1	51ab	HG	0,21	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
11		Chiềng Đông	864A	1	55bb	HGD	0,16	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
12		Chiềng Đông	864A	1	59b	HGD	0,03	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
13		Chiềng Đông	864A	1	61b	HGD	0,24	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
14		Chiềng Đông	864A	1	68ab	TXDK	0,05	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
15		Chiềng Đông	864A	1	70b	TXDK	0,11	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
16		Chiềng Đông	864A	2	9	HG	0,04	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
17		Chiềng Đông	864A	2	10a	TXP	0,01	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
18		Chiềng Đông	864A	2	4b	HG	0,20	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
19		Chiềng Đông	864A	2	5b	TXP	0,09	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
20		Chiềng Đông	864A	2	5d	TXP	0,10	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
21		Chiềng Đông	864A	3	9	HG	0,01	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
22		Chiềng Đông	864A	3	15a	HG	0,09	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
23		Chiềng Đông	864A	3	15c	HG	0,07	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	

24		Chiềng Đông	864A	5	13c	HGD	0,02	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
25		Chiềng Đông	864A	5	19a	HGD	0,03	Rừng phòng hộ	Rừng tự nhiên	
26		Chiềng Păn	866B	1	2b	HGD	0,09	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
27		Chiềng Păn	866B	1	2c	HGD	0,11	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
28		Chiềng Păn	866B	1	7ab	HGD	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
29		Chiềng Păn	866B	1	7bc	HGD	0,07	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
30		Chiềng Păn	866B	1	7c	HGD	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
31		Chiềng Păn	866B	1	e	HG	0,05	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
32		Chiềng Păn	866B	3	18b	HGD	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
33		Chiềng Păn	866B	3	18cb	TXB	0,32	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
34		Chiềng Păn	866B	3	18ea	HGD	0,08	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
35		Chiềng Păn	866B	3	18eb	HGD	0,32	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
36		Chiềng Păn	866B	3	30ab	HGD	0,13	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
37		Chiềng Păn	866B	3	30ac	HGD	0,14	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
38		Chiềng Păn	866B	3	30bb	HGD	0,08	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
39		Chiềng Păn	866B	3	30ca	TXN	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
40		Chiềng Păn	866B	3	30cb	TXN	0,23	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
41		Chiềng Păn	866B	3	30e	HGD	0,12	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
42		Chiềng Păn	866B	3	30gb	HGD	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
43		Chiềng Păn	866B	3	30i	HGD	0,09	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
44		Chiềng Păn	866B	6	37	HGD	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
45		Chiềng Păn	866B	6	41	HGD	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
46		Chiềng Păn	866B	6	47	HGD	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
47		Chiềng Păn	866B	6	53	HGD	0,04	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
48		Chiềng Păn	866B	6	55	HGD	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
49		Chiềng Păn	866B	6	56	HGD	0,04	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
50		Chiềng Păn	866B	6	60	HGD	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
51		Chiềng Păn	866B	6	36b	HGD	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	

52		Chiềng Păn	866B	6	61b	HGD	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
53		Chiềng Păn	866B	6	62b	HGD	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
54		Chiềng Păn	866B	6	89a	HGD	0,67	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
55		Chiềng Păn	866B	6	89cb	HGD	0,15	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
56		Chiềng Păn	866B	8	1b	HGD	0,04	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
57		Chiềng Păn	866B	8	1c	HGD	0,09	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
58		Chiềng Păn	866B	8	1eb	HGD	1,39	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
59		Sấp Vạt	865	3	1	HGD	0,86	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
60		Sấp Vạt	865	4	7bab	TXDP	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	
61		Sấp Vạt	865	4	aab	HG	0,09	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
62		Sấp Vạt	865	4	h	TXN	0,03	Ngoài QH	Rừng tự nhiên	
63		Viêng Lán (cũ)	866C	4	9	HGD	0,18	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
64		Viêng Lán (cũ)	866C	4	13	HG	0,40	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
65		Viêng Lán (cũ)	866C	4	10a	TND	0,14	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
66		Viêng Lán (cũ)	866C	4	10b	TND	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
67		Viêng Lán (cũ)	866C	4	11a	TND	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
68		Viêng Lán (cũ)	866C	4	11b	HG	0,34	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
69		Viêng Lán (cũ)	866C	4	18a	HG	0,65	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
70		Viêng Lán (cũ)	866C	4	18b	HG	0,14	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
71		Viêng Lán (cũ)	866C	4	20ab	HG	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
72		Viêng Lán (cũ)	866C	4	20bb	HG	0,30	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
73		Viêng Lán (cũ)	866C	4	20bc	HG	0,21	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
74		Viêng Lán (cũ)	866C	4	20c	HG	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
75		Viêng Lán (cũ)	866C	6	7	HG	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
76		Viêng Lán (cũ)	866C	6	14	HG	0,08	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
77		Viêng Lán (cũ)	866C	6	17b	HGD	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
78		Viêng Lán (cũ)	866C	6	1b	HG	0,34	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
79		Viêng Lán (cũ)	866C	6	24b	HG	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn

80		Viêng Lán (cũ)	866C	6	30a	TG	0,06	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
81		Viêng Lán (cũ)	866C	6	4b	HG	0,37	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên	Nay là Thị trấn
82		Viêng Lán (cũ)	866C	9	17ab	TG	0,19	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
83		Viêng Lán (cũ)	866C	9	2a	TG	0,05	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
84		Viêng Lán (cũ)	866C	9	7ab	TG	0,37	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
85		Viêng Lán (cũ)	866C	9	9bb	TG	0,13	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
86		Viêng Lán (cũ)	866C	10	35a	TG	0,15	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
87		Viêng Lán (cũ)	866C	10	35b	TG	0,08	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn
88		Viêng Lán (cũ)	866C	10	35c	TG	0,05	Rừng sản xuất	Rừng trồng	Nay là Thị trấn